|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  28/04/2024 | Tiết theo PPCT | Ngày dạy | Lớp | Tiết | Ghi chú |
| 135 | 9/5/2024 | 8C | 1 |  |
| 7/5/2024 | 8D | 3 |  |

**BÀI 43: KHÁI QUÁT VỀ SINH QUYỂN VÀ CÁC KHU SINH HỌC**

*Thời gian thực hiện: 01 tiết- Theo KHGDNT: Tiết 135*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nêu được khái niệm sinh quyển; đặc điểm chính của các khu vực sinh học.

- Giải thích được một số hiện tượng trong thực tiễn.

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực chung**

-Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực phối hợp với các thành viên trong nhóm và các bạn trong lớp hoàn thành các nhiệm vụ học tập

- Giao tiếp và hợp tác: Xác định đúng nội dung hợp tác nhóm, tích cực thực hiện các nhiệm vụ cá nhân

- Giải quyết vấn để và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng đã được học để giải quyết các vấn để liên quan trong học tập và trong thực tiễn.

* 1. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Nêu được khái niệm sinh quyển

- Năng lực tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên: Tìm hiểu được các khu sinh học trên Trái Đất.

- Vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tiễn

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức tìm hiểu vể chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học.

- Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, kiên nhẫn thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**PHT SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Câu 1:** Tìm những ví dụ về sự thích nghi của sinh vật với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng ở mỗi khu sinh học.  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….. |
| **Câu 2:** Hệ động vật, thực vật ở các hệ sinh thái nước đứng và nước chảy có đặc điểm gì thích nghi với điều kiện môi trường sống?  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….. |

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo sự hứng thú cho HS tìm hiểu về sinh quyển và các khu vực sinh học

**b. Nội dung:** GV đưa ra câu hỏi: *“Trái Đất là ngôi nhà chung của hành triệu sinh vật. Cho đến nay, Trái Đất là nơi duy nhất trong vũ trụ được biết đến là có sự sống. Các loài sinh vật sinh sống ở đâu trên Trái Đất?”*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **Nhiệm vụ học tập:**  GV đưa ra câu hỏi: “Trái Đất là ngôi nhà chung của hành triệu sinh vật. Cho đến nay, Trái Đất là nơi duy nhất trong vũ trụ được biết đến là có sự sống. Các loài sinh vật sinh sống ở đâu trên Trái Đất?” |
| **Thực hiện nhiệm vụ:**  - GV cho HS quan sát hình, thảo luận nhóm đôi và đưa ra câu trả lời  - HS hoạt động nhóm đôi và trả lời các hỏi |
| **Báo cáo, thảo luận:**  - GV mời các nhóm đôi xung phong trả lời  - Nhóm đôi xung phong trả lời từng câu hỏi  - GV mời cặp đôi khác nhận xét  - GV nhận xét phần trình bày từng của HS. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về sinh quyển**  **a. Mục tiêu:** Nêu được khái niệm sinh quyển.  **b.** **Nội dung:** HS hoạt động nhóm để thực hiện nhiệm vụ.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Giao nhiệm vụ học tập:**  GV yêu cầu HS theo dõi hình 43.1 SGK, hoạt động nhóm đôi, đọc thông tin trong SGK, nêu khái niệm sinh quyển, thành phần cấu tạo chính của sinh quyển.    **Thực hiện nhiệm vụ:**  HS theo dõi hình ảnh,đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ.  **Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm HS trình bày.  - Một số HS nhóm khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét kết quả thảo luận nhóm, thái độ làm việc của các HS trong nhóm.  - GV tổng quát lại kiến thức trọng tâm  *+ Sinh quyển là toàn bộ sinh vật sống trên Trái Đất cùng các nhân tố vô sinh của môi trường.*  *+ Trong sinh quyển, sinh vật và các nhân tố vô sinh liên quan chặt chẽ với nhau thông qua các chu trình sinh địa hóa, hình thành nên hệ thống tự nhiên trên phạm vi toàn cầu.* | | - Các thành phần cấu trúc của sinh quyển gồm: Khí quyển, địa quyển và thủy quyển.  - Sinh quyển là toàn bộ sinh vật sống trên Trái Đất cùng các nhân tố vô sinh của môi trường |
| **Phương pháp đánh giá và công cụ đánh giá: quan sát, bảng kiểm**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Có** | **Không** | | Nêu được khái niệm sinh quyển. |  |  | | Trình bày được thành phần cấu tạo chính của sinh quyển |  |  | | | |
| ***Hoạt động 2: Tìm hiểu các khu vực sinh học***  **a. Mục tiêu:** Nêu được đặc điểm chính của các khu vực sinh học  **b.** **Nội dung:** HS hoạt động nhóm để thực hiện nhiệm vụ.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Giao nhiệm vụ học tập:**  GV dẫn dắt: Dựa vào yếu tố nào để phân chia các khu sinh học? Có những khu sinh học chủ yếu nào?  GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu các nhóm hoàn thành PHT số 1  Nhóm 1, 3: hoàn thành câu 1  Nhóm 2, 4: hoàn thành câu 2  **Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm và hoàn thành PHT số 1  **Báo cáo, thảo luận:**  **-** GV mời các nhóm xung phong trả lời  - GV mời nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét phần trình bày từng của HS.  **Kết luận, nhận định:**  GV yêu cầu HS rút ra kết luận  *\**Luyện tập: Tại sao vùng ven bờ lại có thành phần sinh vật phong phú hơn vùng khơi? | Phân chia các khu sinh học dựa vào yếu tố đặc trưng về đất đai và khí hậu của một vùng địa lí xác định.  Những khu sinh học chủ yếu gồm: khu sinh học trên cạn (đồng rêu đới lạnh, rừng lá kim phương bắc, rừng rụng lá theo mùa ôn đới, thảo nguyên, savan, sa mạc và hoang mạc, rừng nhiệt đới) và khu sinh học dưới nước (khu sinh học nước ngọt, khu sinh học nước mặn).  **PHT SỐ 1**  **Câu 1:** Ví dụ về sự thích nghi của sinh vật với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng ở mỗi khu sinh học:  Gấu bắc cực thích nghi với điều kiện quanh năm băng giá ở khu sinh học đồng rêu đới lạnh: Có bộ lông và lớp mỡ dày giúp giữ ấm, không có lông mi do lông mi có thể gây đóng băng trên mắt, bộ lông màu trắng giúp chúng ngụy trang, có tập tính ngủ đông và hoạt động trong mùa hạ vào ban ngày.  Cây xương rồng thích nghi với điều kiện khí hậu khô hạn, nhiệt độ không khí nóng vào ban ngày và lạnh vào ban đêm ở khu sinh học sa mạc và hoang mạc: Thân cây biến dạng thành thân mọng nước giúp dự trữ nước cho cây, thân cũng có các rãnh chạy dọc chiều dài thân giúp chuyển nước mưa, nước sương thành một dòng xuống rễ; Lá xương rồng biến thành gai hạn chế được sự thoát hơi nước; Rễ cây dài, lan rộng giúp cây hấp thu nước;…  Cây đước thích nghi với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng tại khu sinh học rừng ngập mặn: Bộ rễ chia làm hai phần là rễ cọc và rễ phụ, rễ cọc cắm thẳng, rễ phụ phát triển thành chùm, mọc từ phần thân gần gốc giúp cây chống đỡ, hạn chế ảnh hưởng của sóng và gió; Quả đước có dạng hình trụ dài, khi già sẽ tự rụng cắm thẳng xuống lớp bùn và hình thành cây mới,...  **Câu 2:** Đặc điểm thích nghi của hệ động vật, thực vật ở các hệ sinh thái nước đứng và nước chảy với điều kiện môi trường sống:  Hệ sinh thái nước đứng:  Vùng nước nông có các loài thực vật có rễ bám trong bùn, khả năng chịu đựng khi mực nước thay đổi; có các động vật đáy có cơ chế dinh dưỡng chủ yếu là ăn mùn bã hữu cơ.  Vùng nước sâu vừa có các sinh vật phù du có cấu tạo thích nghi cho phép chúng nổi tự do trong nước.  Vùng nước sâu có các động vật thích nghi với bóng tối, một số có có quan khứu giác phát triển giúp chúng xác định con mồi trong môi trường thiếu ánh sáng.  Hệ sinh thái nước chảy:  Thực vật sống ở hệ sinh thái nước chảy thường có rễ sâu để bám giữ hoặc thân nổi thích nghi với điều kiện nước chảy; lá và thân mềm, thuôn dài giúp giảm lực cản từ dòng nước.  Động vật sống ở vùng thượng lưu – nơi thường có nước chảy xiết thường có khả năng bơi giỏi. | |
| **Phương pháp đánh giá và công cụ đánh giá: thang đo, rubric**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá và điểm** | | | **Điểm** | | **Mức 1 (5đ)** | **Mức 2 (7đ)** | **Mức 3 (10đ)** | | ***Tổ chức hoạt động nhóm khi tiến hành thảo luận*** | Hầu các thành viên đều không thực hiện nhiệm vụ trong PHT, chỉ có 1,2 HS chủ chốt làm  **(2 điểm)** | Hầu hết các thành viên đều thực hiện nhiệm vụ trong PHT, chỉ có 3,4 HS không làm  **(3 điểm)** | Tất cả các thành viên đều thực hiện nhiệm vụ trong PHT  **(5 điểm)** |  | | ***Nêu được đặc điểm chính của các khu vực sinh học*** | Nêu được 1 – 2 vai trò **(3 điểm)** | Nêu được 3 vai trò  **(4 điểm)** | Nêu được 4 vai trò **(5 điểm)** |  | | **Tổng điểm** | | | |  | | | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: Sử dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi trong SGK

**b. Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi trong phần bài tập SGK

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS được viết ra giấy

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Giao nhiệm vụ học tập:**  GV: Trong 5 phút, mỗi nhóm 4 HS thảo luận và viết nội dung trả lời cho các câu hỏi phần Bài tập trong SGK  Câu 1: Phát biểu nào sau đây không đúng với sinh quyển?  A. Giới hạn ở trên là nơi tiếp giáp với tầng ô dôn.  B. Giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất.  C. Ranh giới trùng hoàn toàn với lớp vỏ Trái Đất.  D. Ranh giới trùng hợp với toàn bộ lớp vỏ địa lí.  Câu 2: Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có  A. Toàn bộ thực vật sinh sống. B. tất cả sinh vật, thổ nhưỡng.  C. toàn bộ sinh vật sinh sống. D. thực, động vật; vi sinh vật.  Câu 3: Nhận định nào sau đây đúng nhất với sinh quyển?  A. Sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.  B. Thực vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.  C. Động vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.  D. Vi sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.  Câu 4: Khu sinh học chủ yếu là  A. Khu sinh học trên cạn B. Khu sinh học nước ngọt  C. Khu sinh học biển D. Tất cả các đáp án trên  Câu 5: Kiểu thảm thực vật nào sau đây thuộc môi trường đới nóng?  A. Đài nguyên. B. Bán hoang mạc. C. Rừng nhiệt đới ẩm. D. Rừng hỗn hợp.  Câu 6: Nước là thành phần tham gia vào hầu hết các hoạt động sống của sinh vật, là..........của nhiều loài sinh vật.  A. thành phần. B. điều kiện sống. C. môi trường sống. D. thức ăn.  **Thực hiện nhiệm vụ:**  GV: Quan sát các nhóm HS thực hiện vụ và điều khiển HS thực hiện theo thời gian dự kiến  HS: Thảo luận và viết câu trả lời  **Báo cáo, thảo luận:**  GV:  - Mời đại diện nhóm trả lời các câu hỏi  - Mời nhóm khác nhận xét, bổ sung  HS: Báo cáo thảo luận trả lời các câu hỏi  **Kết luận, nhận định:**  Nhận xét, đánh giá tinh thần làm việc nhóm và kết quả học tập của các nhóm | 1.C  2. C  3. A  4. D  5. C  6. C |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu**: Chứng minh được cơ thể là một thể thống nhất để bảo vệ sức khỏe

**b. Nội dung:** Trả lời câu hỏi; vận dụng kiến thức g

**c. Sản phẩm:** Phiếu trả lời câu hỏi Chứng minh được cơ thể là một thể thống nhất

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Giao nhiệm vụ học tập:**  GV: Trả lời câu hỏi dưới đây vào PHT, tiết học sau nộp lại cho GV  Câu hỏi: Trình bày hiểu biết của em về 1 khu dự trữ sinh học tại Việt Nam  HS: Nhận nhiệm vụ  **Thực hiện nhiệm vụ:**  Thực hiện tại nhà. GV đưa ra hướng dẫn cần thiết.  **Báo cáo, thảo luận:**  Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời | HS trình bày được về một khu dự trữ sinh quyển ở Việt Nam |

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập.

- Đọc và tìm hiểu trước  *Bài 43: Khái quát về sinh quyển và các khu vực sinh học*